

ĐỀ CƯƠNG MÔN HỌC

1. THÔNG TIN CHUNG

Tên môn học (tiếng Việt): **Công nghệ Truyền thông và Thông tin trong việc Dạy và Học ngôn ngữ**

Tên môn học (tiếng Anh): **ICT in Language Teaching**

Danh mã môn học:

Thuộc khối kiến thức: Chuyên ngành (tự chọn)

Khoa/Bộ môn quản lý: Ngoại ngữ

Giảng viên phụ trách: PGS.TS. Nguyễn Ngọc Vũ

Điện thoại: 0918025951

Email: vunn@huflit.edu.vn

Giảng viên khác: PGS.TS. Phạm Vũ Phi Hổ

TS. Nguyễn Hồ Phương Chi

Môn học trước: Không

2. MÔ TẢ MÔN HỌC

Khóa học khám phá cả khía cạnh thực tế và lý thuyết của việc ứng dụng CNTT trong giảng dạy ngôn ngữ thứ hai. Các chủ đề chính bao gồm lịch sử phát triển của CALL và các ứng dụng; Ngôn ngữ đánh dấu siêu văn bản (HTML); đánh giá tài nguyên học tập trực tuyến; xây dựng khóa học ngoại ngữ trên LMS; tạo các gói học liệu số bằng công cụ e-learning. Trong suốt khóa học, sinh viên thực hiện 1 dự án phát triển học liệu số bằng các công cụ đã được giới thiệu.

3. MỤC TIÊU MÔN HỌC

Mục tiêu	Mô tả
1	Nắm vững các nguyên lí và khái niệm cơ bản của lĩnh vực học ngoại ngữ với sự hỗ trợ của CNTT
2	Đánh giá được tính hiệu quả của các ứng dụng CNTT trong bối cảnh dạy học ngoại ngữ cụ thể.
3	Tạo ra được các nguồn học liệu số cho việc giảng dạy ngoại ngữ trên các nền tảng LMS phù hợp
4	Thực hiện được nghiên cứu độc lập về các xu hướng và tài nguyên số trong giáo dục ngôn ngữ

4. CHUẨN ĐẦU RA CỦA MÔN HỌC

CĐR-MH	CĐR của CTĐT	Mô tả CĐR-MH	Mức độ giảng dạy
CLO1	PLO1	Hiểu đối tượng, phạm trù và phương pháp nghiên cứu của lĩnh vực ứng dụng CNTT vào giảng dạy ngôn ngữ	I
CLO2	PLO11	Sử dụng được các phần mềm, ứng dụng dạy học ngôn ngữ phù hợp để nâng cao hiệu quả giảng dạy	T&U
CLO3	PLO3, PLO5	Phản biện và đánh giá các lý thuyết thụ đắc ngôn ngữ với sự hỗ trợ của CNTT	T&U
CLO4	PLO11	Phát triển được sản phẩm học liệu số phục vụ công tác giảng dạy ngoại ngữ	T&U
CLO5	PLO10	Tham gia tích cực và độc lập vào các cuộc thảo luận hội thảo bằng cách trình bày các bài tập nghiên cứu về ứng dụng CNTT trong giảng dạy ngoại ngữ	U

I – Giới thiệu (Introduction); T – Giảng dạy (Teach); U - Ứng dụng (Utilize)

CLO (Course Learning Outcomes) - PLO (Program Learning Outcomes)

5. NỘI DUNG, KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY

Buổi	Nội dung	CĐRM H	Hoạt động (giảng, trao đổi, thảo luận, thuyết trình)	Thành phần Đánh giá
Buổi 1: Số tiết: 5	Second language learning and technology • Course orientation • SLA foundation of CALL • From CALL to MALL • Hands-on activities	CLO1	- Giảng dạy, thảo luận với các ví dụ.	A2
Buổi: 2&3 Số tiết: 5	CALL applications and L2 learning • Popular CALL applications • XML & HTML technologies • HTML tutorial • Hands-on activities	CLO1, CLO3	- Giảng dạy, thực hành HTML	A2
Buổi: 4&5 Số tiết: 5	Developing a CALL website • Structure of a CALL website • Tools for material building • Hosting online materials • Hands-on activities	CLO1, CLO5	- Giảng dạy, thực hành tạo khóa học trên Moodle/Google Site	A2
Buổi: 6 Số tiết: 5	Webquest • Structure of a webquest • Webquest for teaching • Building a webquest • Hands-on activities	CLO2, CLO4	- Giảng dạy, thực hành Webquest.	A2
Buổi 7&8: Số tiết: 5	ICT Tools for Language Teaching • Tools for teaching language skills • Tools for teaching language aspects • AI tools • Hands-on activities	CLO4, CLO5	- Giảng dạy, thực hành. - Thảo luận, thuyết trình, phản biện theo nhóm.	A2

Buổi	Nội dung	CĐRM H	Hoạt động (giảng, trao đổi, thảo luận, thuyết trình)	Thành phần Đánh giá
Buổi 9: Số tiết: 5	Project evaluation and wrap-up - Principles for CALL evaluation - Evaluation of CALL applications and resources - Hands-on activities - Project review	CLO3, CLO5	- Giảng dạy, thảo luận với các ví dụ.	A2

6. ĐÁNH GIÁ MÔN HỌC

Thành phần đánh giá	CĐR-MH	Tỷ lệ (%)
A1. Điểm chuyên cần	CLO5	10
A2. Điểm quá trình (tham gia hoạt động nhóm, bài tập nhóm, thuyết trình, phản biện)	CLO5	30
A3. Điểm đánh giá dự án kết thúc học phần	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4	60
Tổng cộng		100

7. QUY ĐỊNH CỦA MÔN HỌC

Học viên có trách nhiệm tham dự lớp học, tham gia phát biểu, trao đổi và thảo luận các vấn đề, tình huống quản trị được đưa ra trong giờ học và nghiên cứu các tài liệu theo sự hướng dẫn của giảng viên. Học viên chỉ được đánh giá kết thúc học phần khi đảm bảo ít nhất 75% số giờ lên lớp theo quy định của học phần.

Khi điều kiện về học liệu trên hệ thống LMS được đáp ứng, giảng viên có thể tổ chức dạy trực tuyến môn học này với tỉ lệ học online là 30%.

8. TÀI LIỆU HỌC TẬP, THAM KHẢO

8.1. Giáo trình

- Means, B., Bakia, M., & Murphy, R. (2014). *Learning online: What research tells us about whether, when and how?* NY: Routledge.
- Churchill, D., Lu, J., Chiu, T.K.F & Fox, B. (2016). *Mobile Learning Design: Theories and Application*. Singapore: Springer.
- Beatty, Ken (2010). *Teaching and researching computer-assisted language learning* (2nd edition). London: Pearson.
- Blake, R. (2012). *Brave new digital classroom* (2nd ed). Washington: Georgetown University Press.

8.2. Tài liệu tham khảo

- Blake, R. (2011). Current trends in online language learning. *Annual Review of Applied Linguistics*, 31, 19-35.
- Campbell, C. (2009). Learning in a different life: Pre-service education students using an online virtual world. *Journal of Virtual Worlds Research*, 2(1), 3-17.
- Egbert, J., & Hanson-Smith, E. (Eds.). (2007). *CALL environments: Research, practice and critical issues* (2nd ed.). Alexandria, VA: Teachers of English to Speakers of Other Languages.
- Joinson, A. N. (2008). *Looking at, looking up or keeping up with people? Motives and use of Facebook*. Paper presented at the SIGCHI Conference on Human Factors in Computing Systems, Florence, Italy.
- Kavaliauskiene, G., L. Anusiene, V. Mazeikiene. (2006). Weblogging: Innovation for communication in English class. *Electronic Journal of Foreign Language Teaching*, 3(2), 220-233.
- Kern, R. (2006). Perspectives on technology in learning and teaching languages. *TESOL Quarterly*, 40(1), 183-210.
- Parker, K., J. Chao. (2007). Wiki as a teaching tool. *Interdisciplinary Journal of Knowledge and Learning Objects*, 3, 57-71.
- Prensky, M. (2001). Digital natives, digital immigrants. *On the Horizon*, 9(5). 1-6.
- Son, J-B. (Ed.). (2004). *Computer-assisted language learning: Concepts, contexts and practices*, Lincoln, NE: iUniverse.

GIẢNG VIÊN

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN